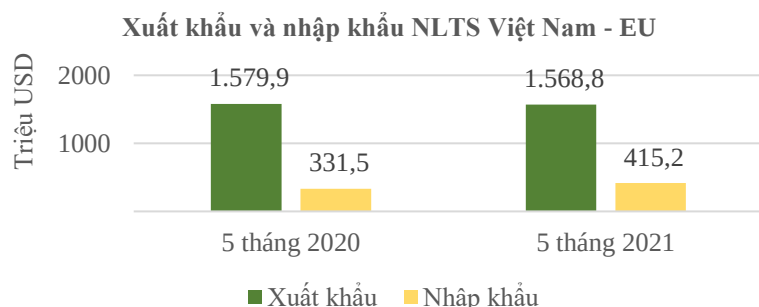


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



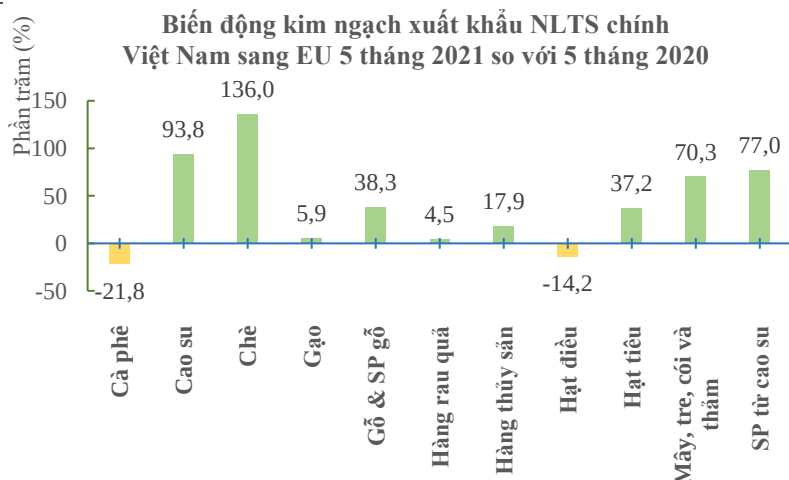
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

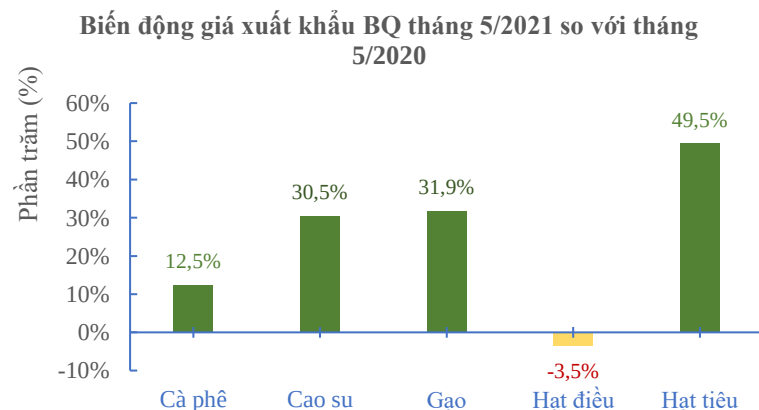
(5 tháng 2020 và 5 tháng 2021)

Xuất khẩu ▼ 0,7%
Nhập khẩu ▲ 25,3%



So sánh 5 tháng 2021 với 5 tháng 2020

Cà phê ▼ 21,8%
Cao su ▲ 93,8%
Chè ▲ 136,0%
Gạo ▲ 5,9%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 38,3%
Rau quả ▲ 4,5%
Thủy sản ▲ 17,9%
Hạt điều ▼ 14,2%
Hạt tiêu ▲ 37,2%
Mây tre đan ▲ 70,3%
SP từ cao su ▲ 77,0%



So sánh giá xuất khẩu tháng 5/2021 với tháng 5/2020

Cà phê ▲ 12,5 %
Cao su ▲ 30,5%
Gạo ▲ 31,9%
Hạt điều ▼ 3,5%
Hạt tiêu ▲ 49,5%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo Cơ quan Thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat), lạm phát của Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục gia tăng trong tháng 5/2021, đạt mức 2,3%, so với mức tương ứng 2% trong tháng 4/2021. Eurostat cho biết, tỷ lệ lạm phát thấp nhất được ghi nhận là của Hy Lạp (-1,2%), Malta 0,2% và Bồ Đào Nha 0,5%. Tỷ lệ lạm phát cao nhất thuộc về Hungary với 5,3%, Ba Lan 4,6% và Luxembourg 4%. Bên cạnh đó, giá năng lượng tăng đột biến và việc có thêm nhiều dịch vụ đắt đỏ hơn đã thúc đẩy lạm phát giá tiêu dùng tại châu Âu. Đáng chú ý, tỷ lệ lạm phát của Đức - nền kinh tế lớn nhất EU - trong tháng 5/2021 đã tăng lên mức cao nhất trong một thập niên, do giá nhiên liệu tăng lên và những hiệu ứng chỉ xảy ra một lần liên quan đến đại dịch COVID-19. Cơ quan Thống kê Liên bang Đức Destatis cho biết giá tiêu dùng tại nền kinh tế hàng đầu châu Âu này tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái khi Đức phục hồi sau đợt bùng phát dịch COVID-19 và tăng khoảng 0,5% so với tháng 4/2021. Lạm phát của Đức đã tăng đều đặn kể từ đầu năm nay, chủ yếu do việc áp thuế carbon và kết thúc đợt cắt giảm thuế bán hàng kéo dài 6 tháng nhằm giảm thiểu những thiệt hại kinh tế do đại dịch gây ra.

Hoạt động kinh doanh của Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) trong tháng 6/2021 đã tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất trong 15 năm khi các chính phủ tại đây nới lỏng nhiều biện pháp phòng dịch và nhu cầu bị dồn nén được giải phóng đã thúc đẩy sự bùng nổ trong ngành dịch vụ - vốn đóng góp rất nhiều vào hoạt động kinh tế của khối này. Chỉ số Nhà quản lý Mua hàng Tổng hợp nhanh (PMI) - một chỉ số về sức khỏe của nền kinh tế Eurozone - đã tăng từ 57,1 lên 59,2 trong tháng này. Đây mức cao nhất kể từ tháng 6/2006 và vượt kết quả thăm dò của hãng tin Reuters là 58,8. Xu hướng ngày càng lan rộng từ lĩnh vực chế tạo sang lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là các công ty có hoạt động giao tiếp trực tiếp với người tiêu dùng. Vào cùng giai đoạn, PMI sơ bộ của lĩnh vực dịch vụ Eurozone đã tăng từ mức 55,2 lên 58,0 - cao nhất kể từ tháng 1/2018 và vượt dự báo của Reuters là 57,8. Chỉ số về hoạt động kinh doanh mới cũng leo lên mức cao nhất trong 14 năm là 57,7 từ mức 56,6. Đây là chỉ số cho thấy đà tăng có thể còn tiếp tục. Trong khi đó, việc mở rộng hoạt động của lĩnh vực chế tạo tương đương với tốc độ kỷ lục của tháng Năm với ước tính PMI sơ bộ của tháng Sáu khớp với kết quả cuối cùng của tháng trước đó là 63,1. Nhưng sự gián đoạn nguồn cung và nhu cầu lớn đã khiến Eurozone trở thành thị trường do bên bán chi phối đối với các nguyên liệu thô mà các nhà máy cần. Chỉ số giá đầu vào sản xuất

tăng từ 87,1 lên 88,0 - mức cao nhất kể từ khi cuộc khảo sát bắt đầu vào tháng 6/1997. Chỉ số đầu ra cũng được nâng từ 62,2 lên 62,4 trong cùng giai đoạn.

Theo Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (Bộ Công Thương), tại EU, vaccine ngừa COVID-19 đang được triển khai rộng rãi và nhiều chính phủ quyết định nới lỏng các biện pháp kiểm soát, kinh tế EU đã phát đi những dấu hiệu khởi sắc. Hoạt động sản xuất liên tục tăng trưởng trong những tháng gần đây, cho thấy nền kinh tế EU đang hồi phục mạnh mẽ. Những dấu hiệu phục hồi kinh tế thể hiện rõ khi các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất đã dần thích ứng với tình hình dịch bệnh, vừa sản xuất, vừa chống dịch, thay cho việc giãn cách, "đóng băng" thương mại của hồi đầu dịch bệnh. Hiện tại, Hiệp hội công nghiệp Đức đã thúc đẩy kế hoạch nới lỏng biện pháp phòng dịch bắt buộc trong các ngành sản xuất, đưa hoạt động kinh tế trở lại bình thường. Trong đó, cùng với việc đệ trình kế hoạch 10 điểm lên Chính phủ liên bang, đề xuất các bước đưa hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại bình thường, Hiệp hội công nghiệp Đức đã đồng thời đề xuất mở cửa lại toàn bộ nền kinh tế theo từng bước, phù hợp với việc dỡ bỏ dần các quy định phòng dịch trên cơ sở tỉ lệ người dân được tiêm chủng vaccine phòng, chống COVID-19. Để khôi phục kinh tế, Italia và Tây Ban Nha đã quyết định mở cửa nền kinh tế sớm hơn ngay khi đại dịch COVID-19 dịu lại ở EU. Hoạt động dịch vụ, kinh doanh khởi sắc trở lại. Bên cạnh đó, nền kinh tế của nhiều nước thuộc EU cũng đang phục hồi, hoạt động sản xuất kinh doanh dần đi vào quỹ đạo, nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân dần tăng lên. EU đang bước qua giai đoạn tồi tệ nhất của đại dịch COVID-19.

Từ trước đến nay, EU là thị trường tiềm năng mà các DN Việt luôn tìm hướng chinh phục. Sau khi Hiệp định Thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA) được ký kết, đây chính là cơ hội để Việt Nam gia nhập thị trường cao cấp này. Tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 đã gây nhiều đứt gãy. Khi dịch bệnh COVID-19 dần được kiểm soát tại EU, các doanh nghiệp Việt Nam đã cố gắng đẩy mạnh tìm kiếm đơn hàng tại khối kinh tế này, đặc biệt là lĩnh vực xuất khẩu nông sản, thủy sản. Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 5 tháng 2021, Việt Nam đã xuất khẩu 1568,8 triệu USD sang EU, trong khi nhập khẩu 415,2 triệu USD, giảm 0,7% về xuất khẩu nhưng tăng 25,3% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020. Trong 5 tháng 2021, về các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê và hạt điều có xu hướng giảm 21,8% và 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, cao su, chè, gạo, gỗ & SP gỗ, hàng rau quả, hàng thủy sản, hạt tiêu, mây, tre, cói và thảm, và SP từ cao su tăng với tốc độ lần lượt là: 93,8%, 136,0%, 5,9%, 38,3%, 4,5%, 17,9%, 37,2%, 70,3%, và 77,0%.

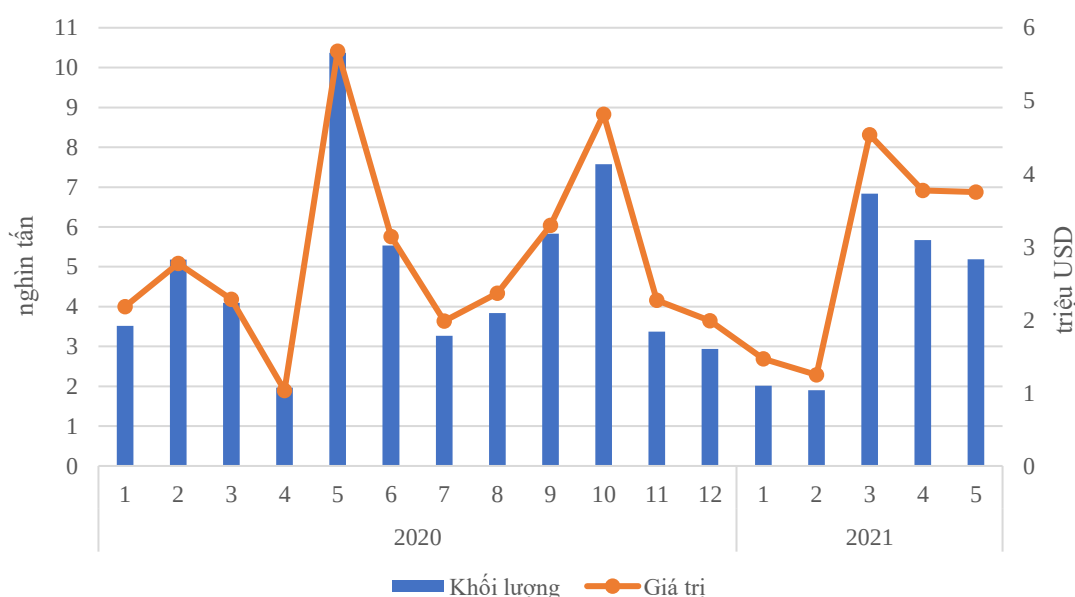
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 6/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2021 của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

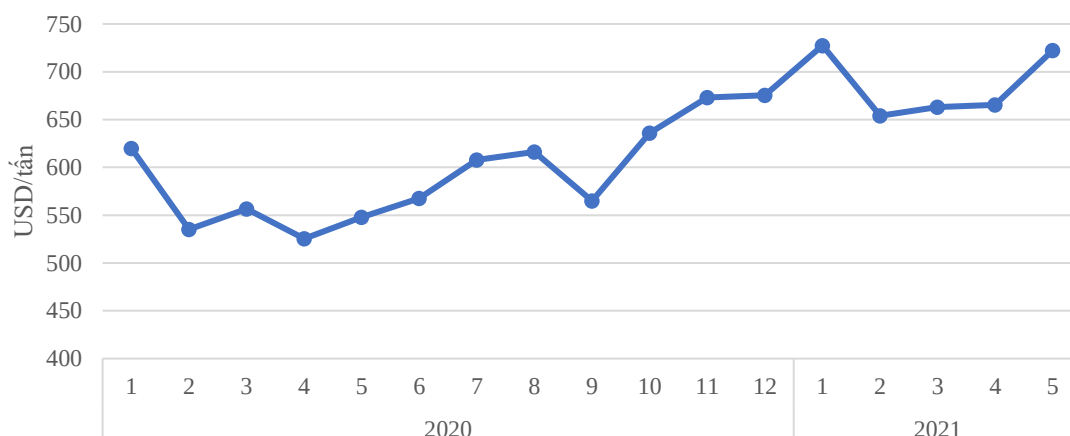
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 5,2 nghìn tấn gạo, trị giá 3,7 triệu USD sang thị trường EU, giảm 8,5% về khối lượng và 0,6% về giá trị so với tháng trước, và giảm 44,9% về khối lượng và 34,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2021 đạt 21,6 nghìn tấn, trị giá 14,8 triệu USD, giảm 14,0% về khối lượng nhưng tăng 5,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

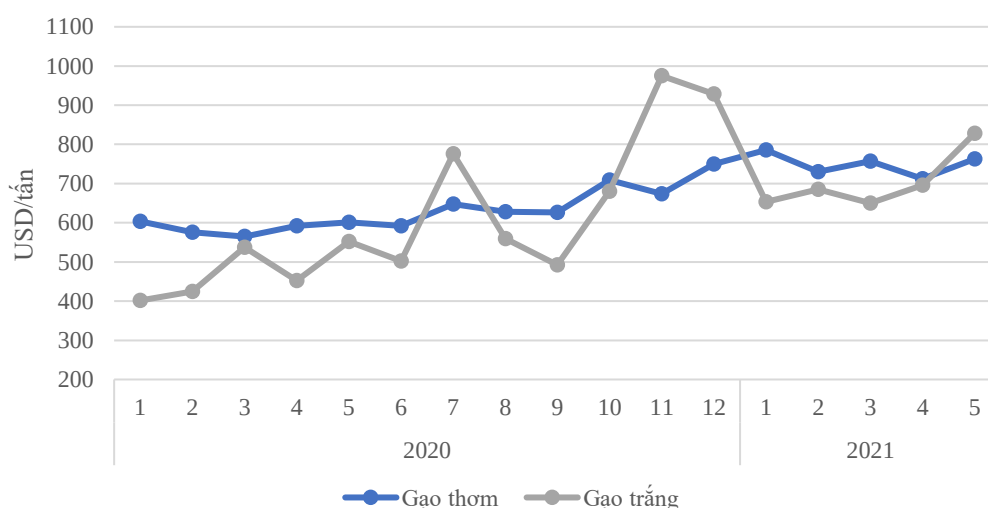
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 5/2021 đạt 722,4 USD/tấn, tăng 8,6% so với tháng trước và 31,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 3,2 nghìn tấn, trị giá 2,3 triệu USD (chiếm 62,4% về khối lượng và 60,0% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 58,5% về khối lượng và 48,8% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 5/2021 đạt trung bình 763,2 USD/tấn, tăng 7,1% so với tháng trước và 26,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 828,3 USD/tấn, tăng 19,0% so với tháng trước và 50,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

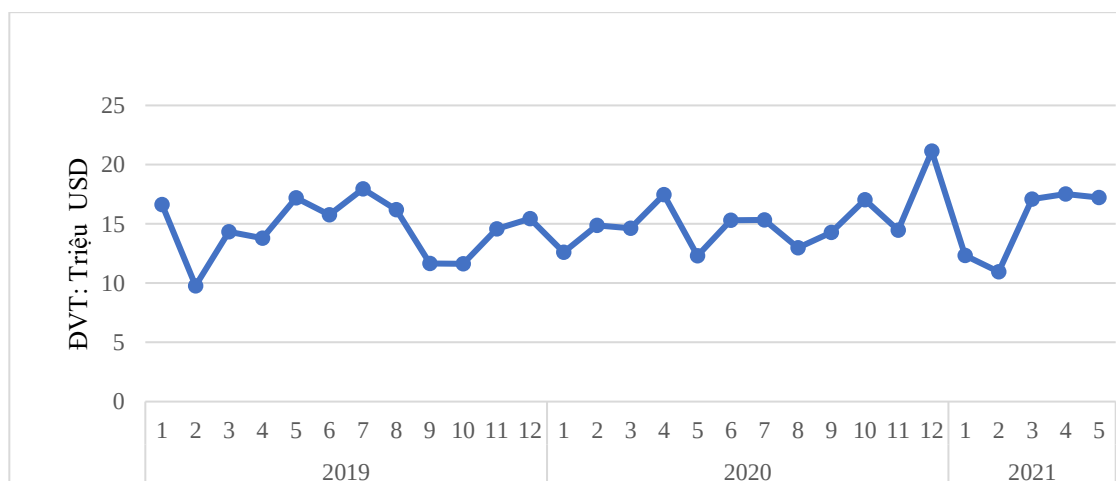
Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời, và Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung Thạnh. Ba công ty này lần lượt chiếm 26,6%, 16,0% và 11,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 5/2021.

So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh tăng 18,6%, Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời giảm 43,7%, còn Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung Thành tăng 362,9%.

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 5 năm 2021 đạt 17,2 triệu USD, chiếm 5,1% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 1,6% so với tháng trước và tăng 40,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 75,1 triệu USD, chiếm 4,4% thị phần và tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2020.

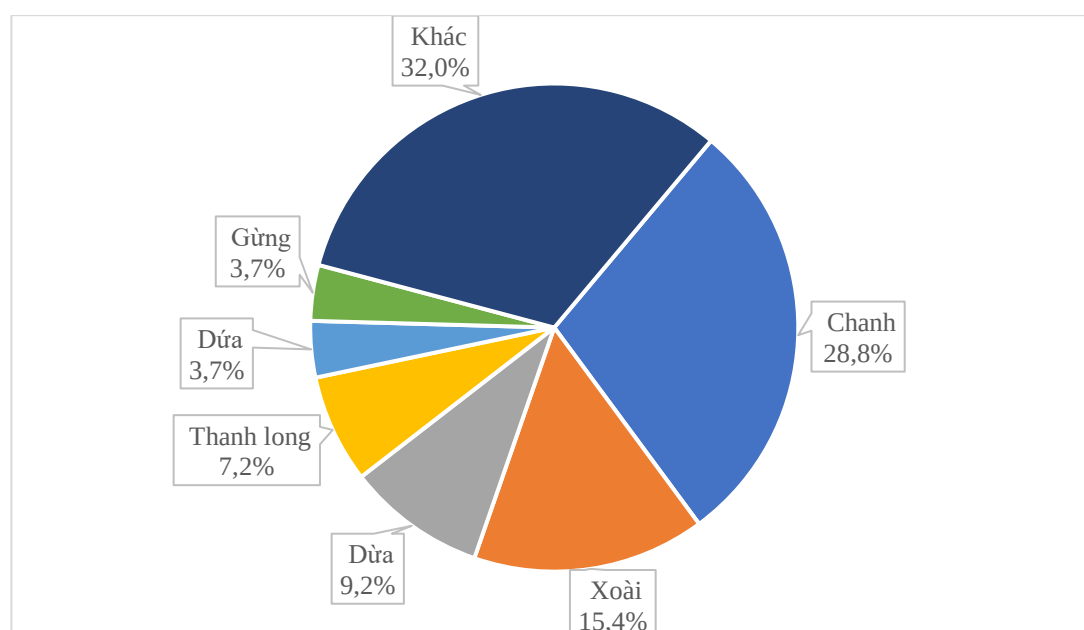
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 5 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 14,5 triệu USD, chiếm 84,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 57,1% (so cùng kỳ 2020 là 54,0%), trái cây chế biến chiếm 27,0% (cùng kỳ 2020 là 33,6%). Mặt hàng rau đạt 2,7 triệu USD (chiếm 15,9%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 14,4% (năm 2020 là 9,4%), rau chế biến chiếm 1,6% (năm 2020 là 3,0%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 5/2021 bao gồm chanh đạt 5,0 triệu USD (chiếm 28,8% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 38,1% so với cùng kỳ năm 2020; xoài đạt 2,7 triệu USD (chiếm 15,4%), tăng 181,5%; dưa đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,2%), tăng 51,7%; thanh long đạt 1,2 triệu USD (chiếm 7,2%), tăng 52,7%...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 5/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, rau quả chế biến đạt 4,9 triệu USD (chiếm 28,5% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 9,3% so với cùng kỳ 2020. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 60,8% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, giảm 5,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 25,7%, tăng 33,6%; ...

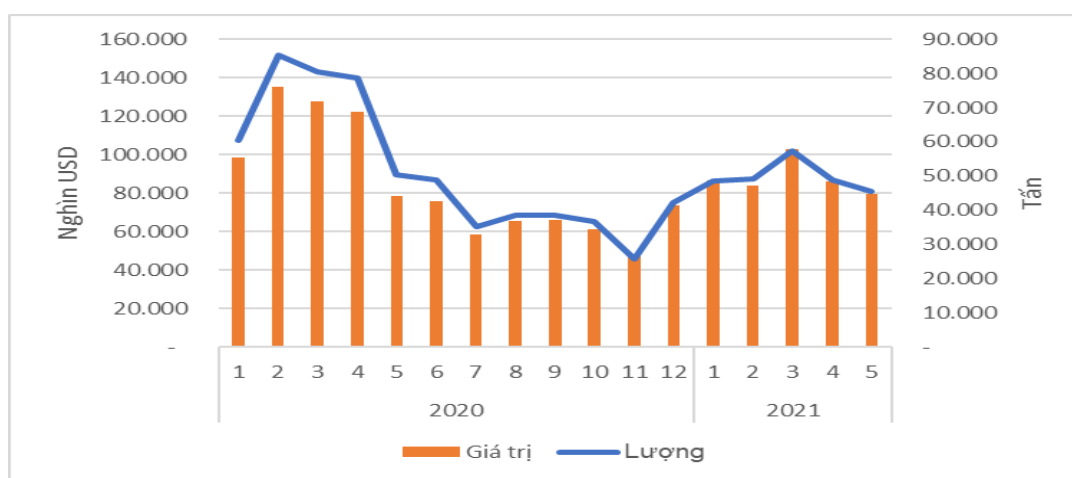
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 5 năm 2021 đạt 2,2 triệu USD, chiếm 1,9% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung năm tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 15,1 triệu USD, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 5/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 1,1 triệu USD (chiếm 49,8% thị phần), tăng 118,6% so với cùng kỳ năm 2020; táo đạt 539,6 nghìn USD (chiếm 24,3%), cao gấp 8,2 lần; ...

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 7,7%; 7,5% và 7,1%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của là Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao tăng 18,3%, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II giảm 30,5% và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 26,8%.

3. CÀ PHÊ

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 5/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU đạt 45,6 nghìn tấn, trị giá 79,8 triệu USD, giảm 6,7% về lượng và 6,9% về giá trị so với tháng 4/2021 và giảm 9,3% về lượng và 2% về giá trị so với cùng kỳ tháng 5/2020.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng. Giá xuất khẩu tháng 5 thị trường EU là 1.751 USD/tấn, giảm 0,28% so với tháng trước và tăng 12,46% so với cùng kỳ.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU

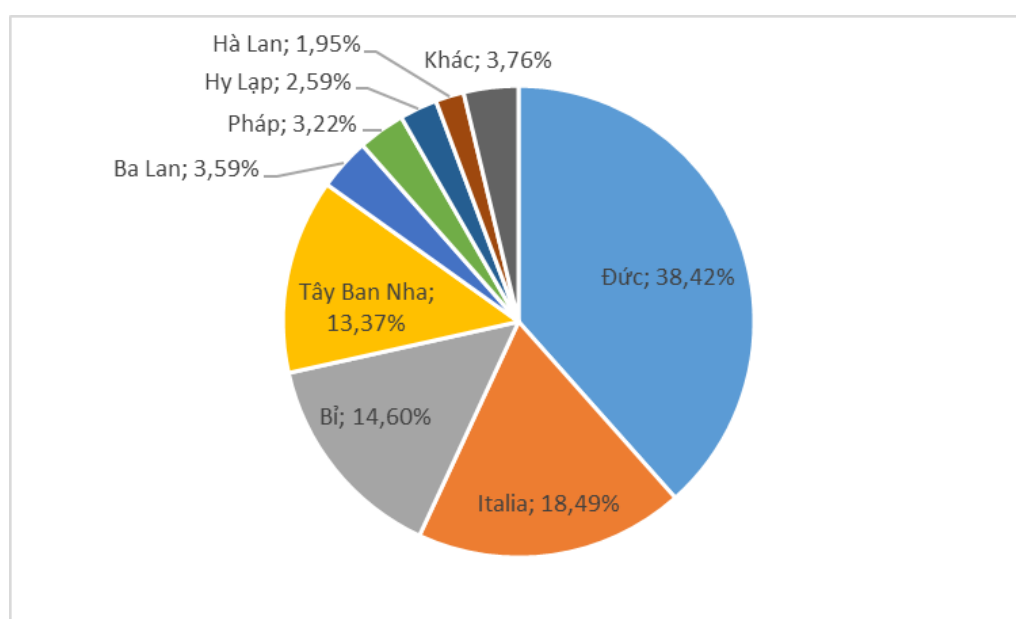


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo phản ánh của các doanh nghiệp trong ngành cà phê, việc cước vận tải biển đi châu Âu tăng 4-5 lần lên mức kỷ trong thời gian qua đã ảnh hưởng rất lớn đến các giao dịch mặt hàng này. Từ đầu năm đến nay, lượng cà phê xuất khẩu theo điều kiện giao hàng FOB đã giảm hơn 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Trước đây, điều kiện giao hàng FOB chiếm khoảng 90% tổng khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam nhưng nay con số này giảm xuống còn khoảng 80%. Thay vào đó, nhiều đối tác yêu cầu ký kết các đơn hàng theo điều kiện giao hàng CPT và DAP, bên bán phải chịu toàn bộ cước phí vận chuyển và bảo hiểm. Ước tính mỗi tấn cà phê từ các cảng biển Việt Nam đi châu Âu phải cộng chi phí từ 350-370 USD/tấn, so với trước đây chừng 50-80 USD/tấn. Chi phí vận tải, lưu kho, tài chính, hao hụt tự nhiên... mỗi lúc một cao, đẩy giá đầu vào lên không ngừng. Cả nhà nhập khẩu và xuất khẩu đều trong tình trạng lưỡng lự đưa hàng vào lưu thông.

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 5/2021 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 38,4 % tổng giá trị xuất khẩu sang EU, Italia chiếm 18,5%, Tây Ban Nha chiếm 13,4%, Bỉ chiếm 14,5%, Ba Lan 3,6%, Pháp chiếm hơn 3,2%.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



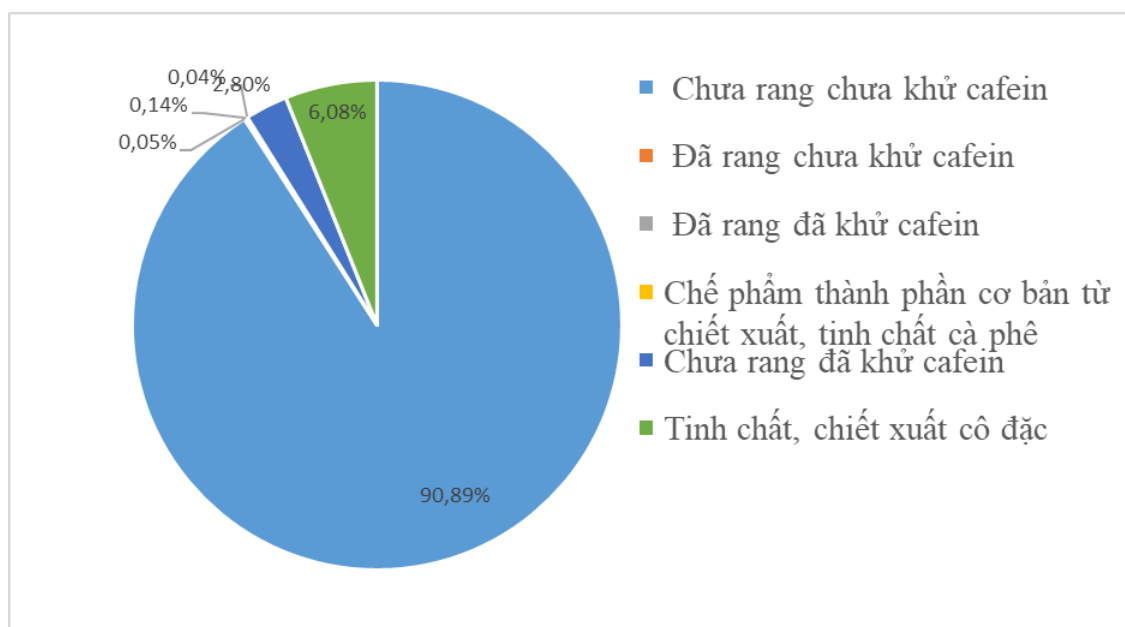
Nguồn: Tổng cục Hải quan

So với tháng trước, một số thị trường có kim ngạch tăng là Đan Mạch (tăng 655%), Rumanin (tăng 177%), Bỉ (tăng 42%), Hy Lạp (tăng 23%), Pháp (tăng 9%). Một số thị trường có kim ngạch giảm là Phần Lan (giảm 53%), Bồ Đào Nha (giảm 43%), Ba Lan (giảm 29%), Italia (giảm 19%), Đức (giảm 11%).

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm 93,8% cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chiếm 6,12%. Tỷ trọng cà phê chế biến giảm 1,75% so với tháng trước cụ thể: cà phê chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111) đạt 72 triệu USD, chiếm tỷ trọng

90,9%, tăng 1,78% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc, chiếm tỷ trọng 6,08%, tăng 2,04% so với cùng kỳ. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein chiếm tỷ trọng 2,8%, tăng 20,33% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, đã khử caffein (mã HS 090112) chiếm tỷ trọng 0,14%, giảm 60% so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công Ty Cổ Phần Intimex Mỹ Phước, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp với thị phần lần lượt là: 10,8%; 8,64% và 6,56%.

Tại báo cáo mới nhất ra vào tháng 6/2021, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ dự báo nhập khẩu của EU niên vụ cà phê 2021/2022 là 42,5 triệu bao (tăng 500 nghìn bao so với niên vụ 2020/2021), chiếm gần 40% nhập khẩu cà phê của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (34%), Việt Nam (24%), Honduras (8%) và Colombia (6%), trong đó chủ yếu là cà phê nhân. Tiêu thụ nội địa tại EU là 41,4 triệu USD, giảm 35 nghìn bao so với niên vụ 2020/2021.

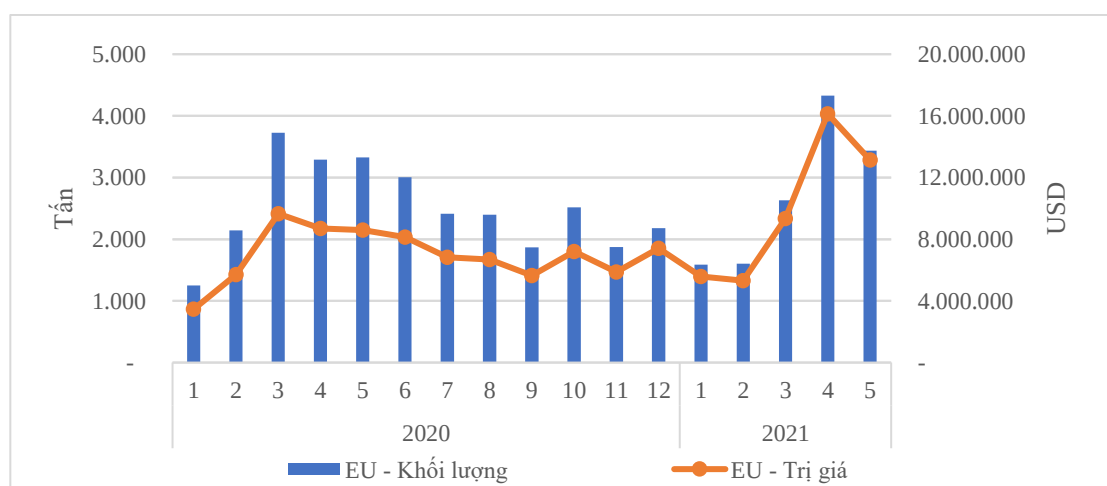
Theo nghiên cứu được công bố trên tạp chí Nature Communications, trong tương lai gần, nguồn cung một số loại cây trồng trong đó có cà phê cho EU có thể bị gián đoạn do hạn hán gia tăng ở các khu vực khác trên thế giới. EU tiêu thụ một phần ba lượng cà phê trên thế giới, và một nửa trong số này đến từ Brazil và Việt Nam. Vào năm 2050 khoảng 44% các địa điểm cung cấp cà phê nhập khẩu sẽ rất dễ bị hạn hán do biến đổi khí hậu, chỉ 28% ít bị tổn thương hơn so với điều kiện khí hậu hiện tại. Mặc dù Colombia và Kenya ít bị tổn thương hơn, song nhiệt độ cao và nấm bệnh gỉ sắt cũng gây hại cho cây cà phê.

Era of We (www.eraofwe.com) có trụ sở tại Thụy Điển đã công bố dịch vụ kỹ thuật số ngành cà phê đầu tiên trên thế giới kết nối tất cả các bên liên quan trong chuỗi cung ứng cà phê - một mô hình kinh doanh công bằng và bền vững hơn dựa trên sự minh bạch trong cung cấp các sản phẩm chất lượng cao. Löffbergs, một trong những nhà rang xay cà phê do gia đình sở hữu lớn nhất ở các nước Bắc Âu, sẽ ra mắt với tư cách là nhà rang xay cà phê đầu tiên trên nền tảng này. Các báo cáo cho thấy gần 61% các nhà sản xuất bán cà phê với giá thấp hơn giá thành sản xuất - khiến nhiều nông dân phải vật lộn để tồn tại. Nền tảng này sẽ trao quyền cho người trồng cà phê, (bất kể quy mô) xây dựng thương hiệu cà phê của riêng họ và tiếp thị trực tiếp cho cả nhà rang xay và người tiêu dùng, đặc biệt là có thể tự định giá. Đối với các nhà rang xay, nền tảng này sẽ mở ra một loạt cơ hội kinh doanh mới thông qua việc tiếp cận trực tiếp với các cơ sở cà phê đến từ khắp nơi trên thế giới. Era of We sẽ ra mắt đầu tiên ở Thụy Điển vào tháng 6, sau đó sẽ ra mắt ở các quốc gia khác.

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2021, Việt Nam xuất khẩu được 3.438 tấn hồ tiêu với trị giá xấp xỉ 13,14 triệu USD, giảm 20,55% về khối lượng và giảm 18,58% về giá trị so với tháng 4/2021, tăng 3,34% về khối lượng và tăng 53,02% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU

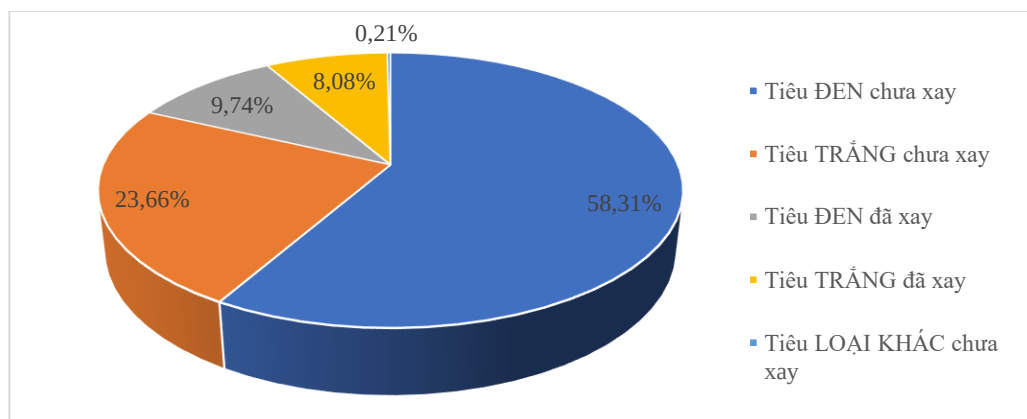


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 58,31% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, giảm 4,73% so với tháng trước và tăng 6,27% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 23,66% tổng giá trị xuất

khẩu vào thị trường này, tăng nhẹ 1,31% so với tháng trước và giảm 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiêu đen và trắng chưa xay cũng như các sản phẩm phụ của tiêu như vỏ tiêu, tiêu lép... cũng được nhập khẩu vào thị trường này, chiếm 18,03%, tăng không đáng kể 0,16% so với tháng trước song cũng giảm 0,67% so với cùng kỳ năm trước.

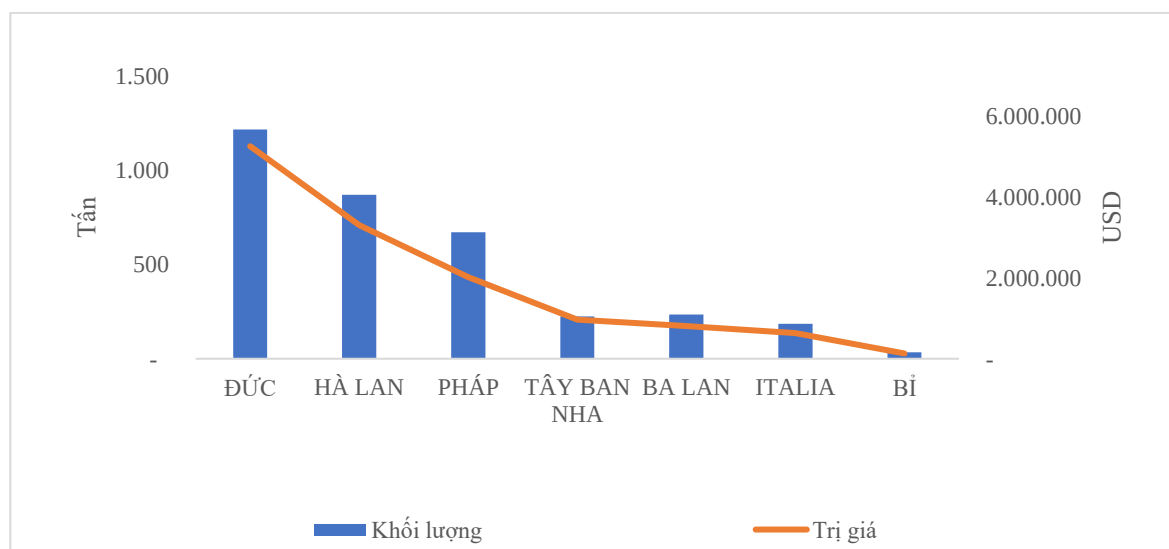
Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường EU tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong khối EU tháng 5/2021 vẫn là Đức với khối lượng 1.217 tấn (chiếm 35,4% tổng khối lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU), đạt trị giá hơn 5,26 triệu USD (chiếm 40,05% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp sau là Hà Lan với 871 tấn (25,33%), đạt trên 3,3 triệu USD (25,19%) và Pháp với 671 tấn (19,52%), đạt trên 2 triệu USD (15,4%). Bỉ vẫn là thị trường nhập khẩu tiêu nhỏ nhất trong khối EU của Việt Nam, chỉ đạt 34 tấn (0,99%) với kim ngạch 130 nghìn USD (0,99%).

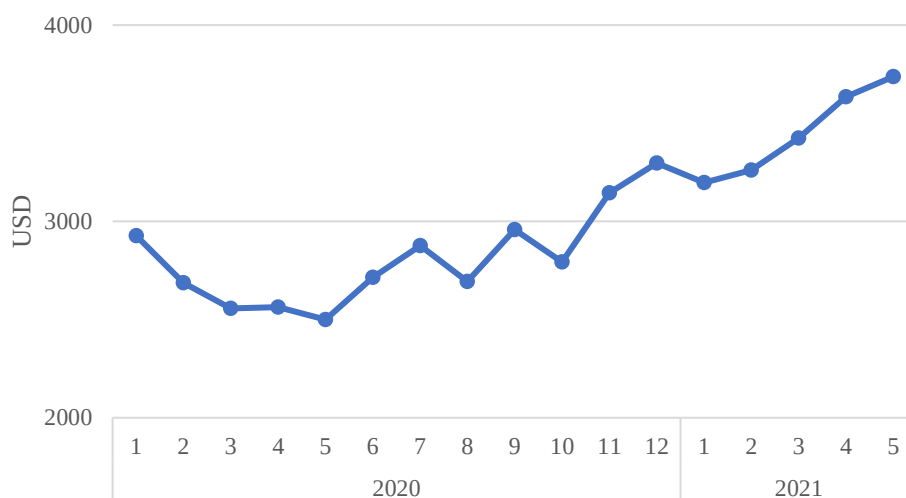
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cùng với khối lượng và giá trị xuất khẩu, đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU cũng tăng liên tục kể từ tháng 1/2021. Giá xuất khẩu trung bình tháng 5/2021 đạt 3.737 USD/tấn, tăng 2,8% so với tháng 4/2021 và tăng 49,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

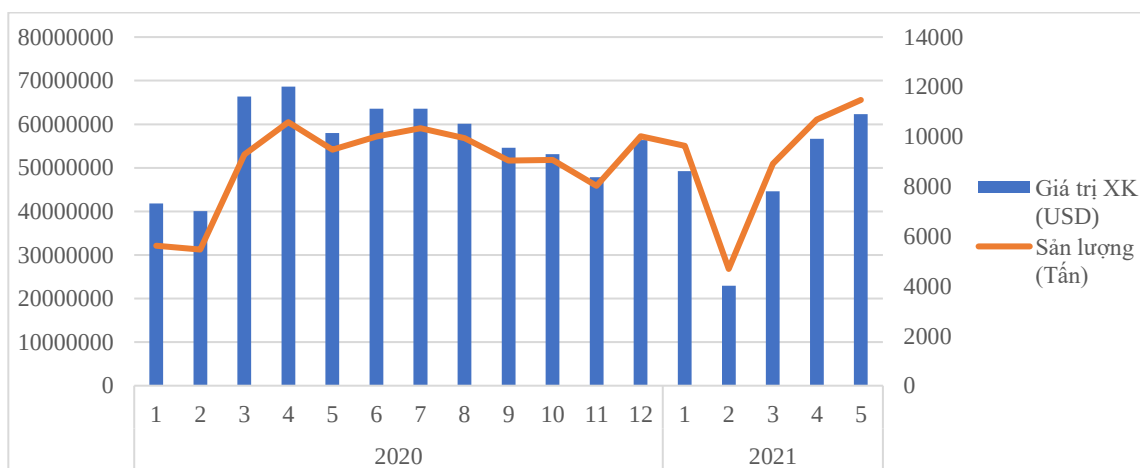
Trong tháng 4/2021, giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trân Châu, chiếm 29,97% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này. Đây là doanh nghiệp thành viên của Công ty CP Thương mại – Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Trân Châu vốn là luôn nằm trong Top 3 về kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang EU. Xếp sau vẫn là Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam và Công ty CP Phúc Sinh, chiếm lần lượt là 14,71% và 10,74% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tuy nhiên so với tháng trước đó, chỉ có Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam có kim ngạch tăng trưởng dương, ở mức 12,1%, còn kim ngạch xuất khẩu của Công ty CP Phúc Sinh lại giảm, ở mức -35,2%.

5. HẠT ĐIỀU

Theo Eurostat, xuất khẩu hạt điều của Hà Lan trong quý I/2021 đạt 12,75 nghìn tấn, trị giá 74,97 triệu EUR (89,29 triệu USD), tăng 20,3% về lượng, nhưng giảm 5,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị trường xuất khẩu hạt điều của Hà Lan chủ yếu là các thị trường khu vực châu Âu. Pháp, Ba Lan và Bỉ là 3 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Hà Lan. Tốc độ xuất khẩu hạt điều của Hà Lan sang Pháp và Ba Lan tăng mạnh, nhưng sang Bỉ giảm.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2020, Việt Nam xuất khẩu được 11,48 nghìn tấn điều, trị giá 62,33 triệu USD sang thị trường EU, giảm 80,2% về khối lượng và 2,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 5 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 235,74 triệu USD, tương ứng với 45,40 nghìn tấn, giảm 14,2% về giá trị và 83,5% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này đang có xu hướng tăng trở lại khi các quốc gia này đang kiểm soát tốt dịch Covid 19, nhu cầu tiêu dùng trong các quốc gia Châu Âu dự báo tăng trưởng mạnh trong những tháng cuối năm. Dịch Covid đã tác động lớn đến sản phẩm tiêu dùng (tăng dần sản phẩm chế biến, giảm sản phẩm thô).

Hình 15: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường EU tháng 5/2021

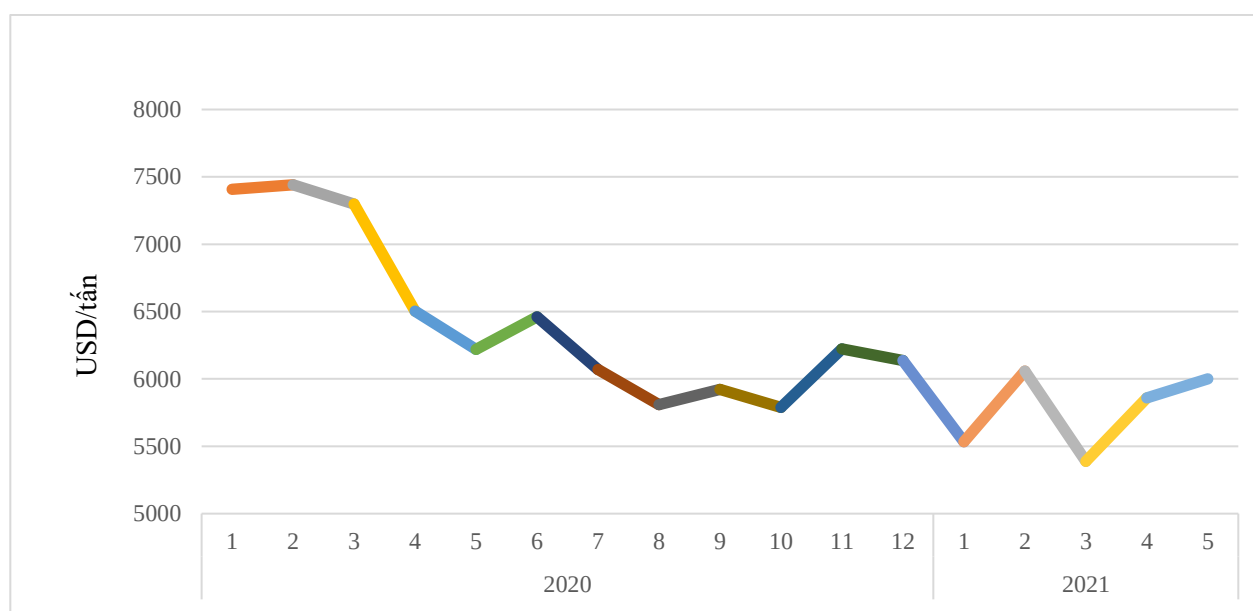
So với tháng 5/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2021, giá xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, đây là tháng thứ 2 giá xuất khẩu điều Việt Nam tăng đạt 6.000,54 USD/tấn, tăng 2,4%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước giá xuất khẩu điều vẫn giảm 3,5%

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 5/2021 đạt trung bình là 6,41 USD/kg tăng 4,8% so với tháng trước và 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Tương tự đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 10,52 USD/kg giảm lần lượt là 7,8% và 3,4% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Tháng 5/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH Điều INTERSNACK Việt Nam chiếm 6,44%; Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Lộc Việt Cường chiếm 4,95%; Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 2,91%.

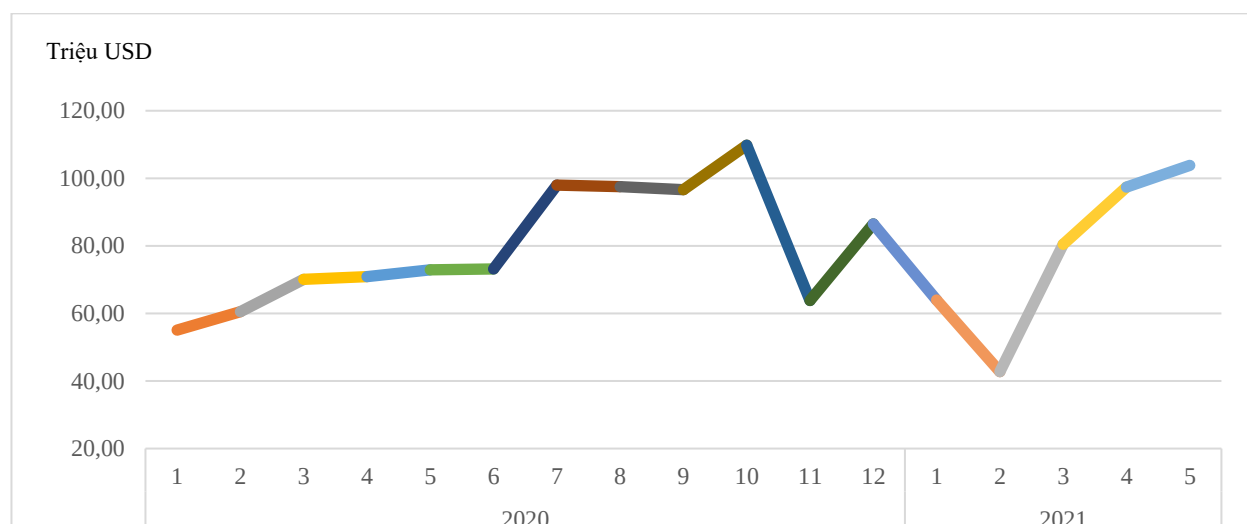
6. THỦY SẢN

Các nhà nhập khẩu tôm ở châu Âu sẽ lựa chọn cách tiếp cận an toàn đối với các đơn đặt hàng từ nay đến hết năm 2021, độ tin cậy được họ quan tâm hơn là giá thấp. Các cửa hàng dịch vụ thực phẩm đã bắt đầu mở cửa trở lại trên khắp lục địa khi các ca dương tính COVID tiếp tục giảm và việc tiêm phòng được triển khai. Mùa hè - thường là thời điểm tiêu thụ cao trong năm – khắp châu Âu người ta tìm kiếm nguồn cung tôm, nhưng lượng tôm đưa vào dự trữ vẫn thấp hơn mức chuẩn thông thường.

Hiện tại, lượng dự trữ không thực sự nhiều vì người mua châu Âu, đặc biệt là ở Tây Bắc Âu, vẫn thận trọng vì họ muốn tìm nguồn cung ứng tin cậy.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 5/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 103,82 triệu USD, tăng 42,4% so cùng kỳ năm 2020, và 6,6% so với tháng 4/2021.

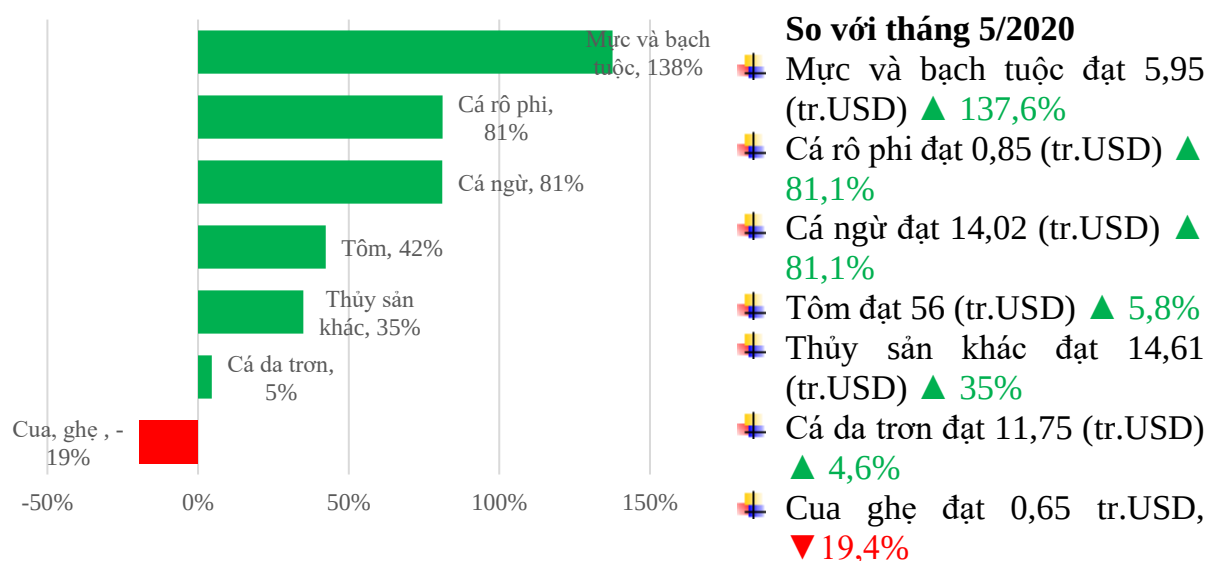
Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

EU cũng là thị trường giữ được đà tăng trưởng cao từ đầu năm 2021. Những mặt hàng thủy sản chủ lực vẫn giữ được những tốc độ tăng trưởng cao như cá ngừ tăng 81,1% so với cùng kỳ năm trước; tôm tăng 42,4%.

Hình 18: Biến động giá trị xuất khẩu các loại mặt hàng thủy sản T5/2021 so với T5/2020

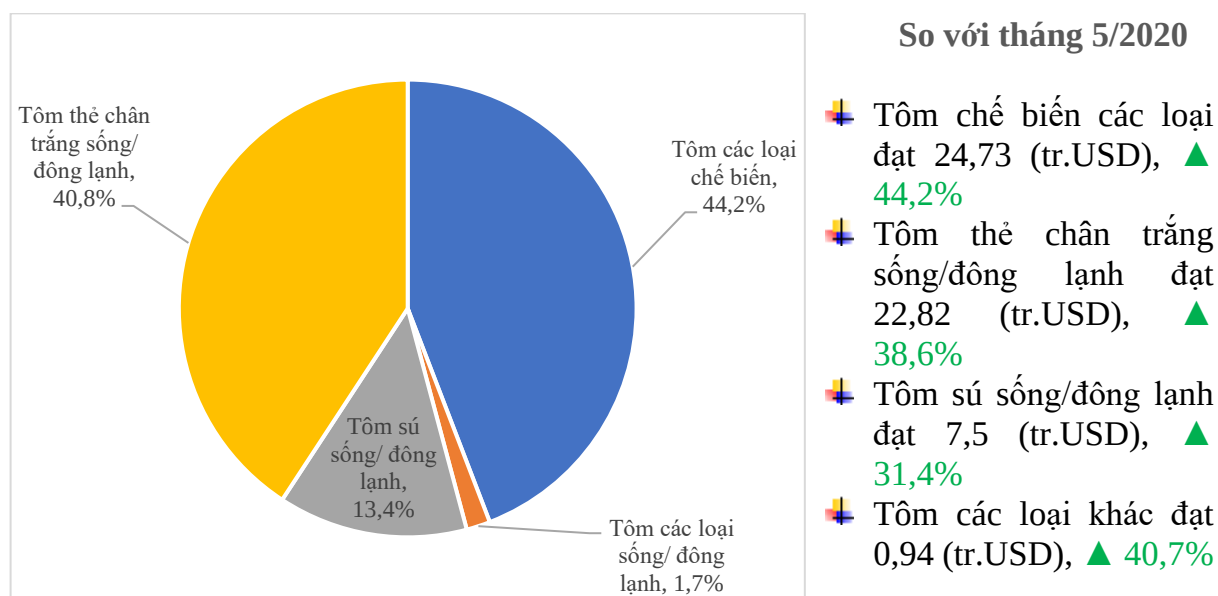


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là sản phẩm thủy sản có giá trị xuất khẩu lớn nhất của thủy sản Việt Nam ở thị trường này. Sản phẩm tôm chân trắng liên tục tăng thị phần ở EU do giá bán

thấp hơn so với tôm sú, doanh số bán tăng nhanh hơn so với mức trung bình. Mặc dù năm 2020, bức tranh nhập khẩu tôm của Châu Âu không mấy khả quan với ngành tôm toàn cầu do nhập khẩu giảm vì COVID-19. Tuy nhiên, kể từ đầu năm nay, nhu cầu tiêu thụ tôm, đặc biệt là tôm chân trắng của nhiều nước Châu Âu đã tăng trở lại.

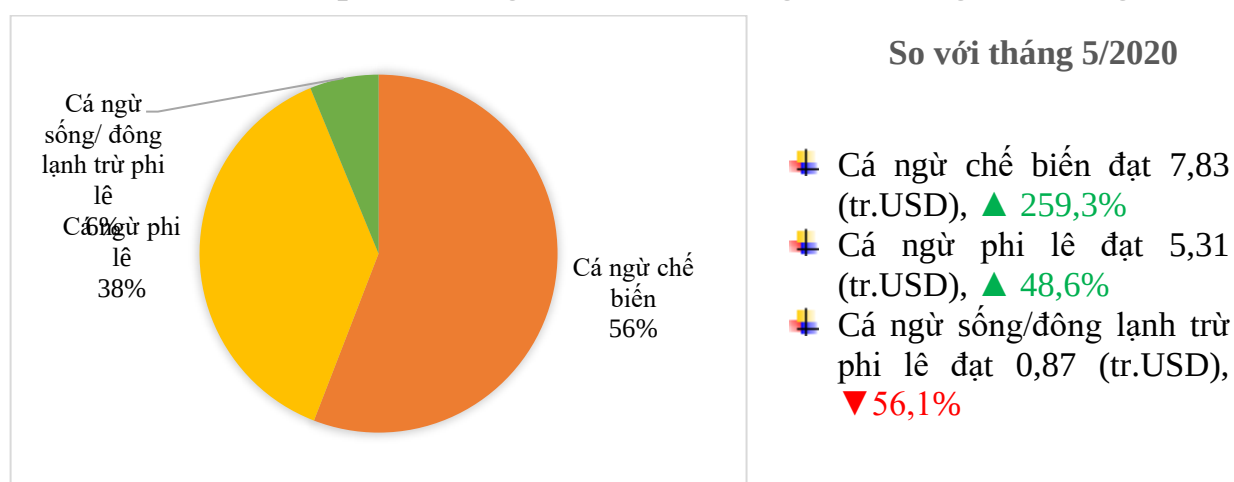
Hình 19: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bên cạnh tôm, cá ngừ cũng là mặt hàng thủy sản có giá trị xuất khẩu cao tại Hoa Kỳ. Dịch Covid đã tác động lớn đến loại sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường này do nhu cầu về sản phẩm thay đổi. Giá trị xuất khẩu cá ngừ chế biến tăng cao, điều này mang lại nhiều tín hiệu tích cực cho xuất khẩu sản phẩm chế biến của Việt Nam.

Hình 20: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 5/2021 như sau: Tôm đạt 9,55 USD/kg, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2020, và 0,8% so với tháng trước; Cá da trơn đạt 2,18 USD/kg, giảm 8,7% so với tháng 5/2020 và tăng 1,4% so với tháng trước; Cá ngừ đạt 6,77 USD/kg, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,18	-8,7%	1,4%
2	Cá ngừ	6,77	-12,3%	-7,6%
3	Cá rô phi	2,22	-5,3%	-10,5%
4	Mực và bạch tuộc	5,97	9,4%	-2,7%
5	Tôm	9,55	1,5%	0,8%

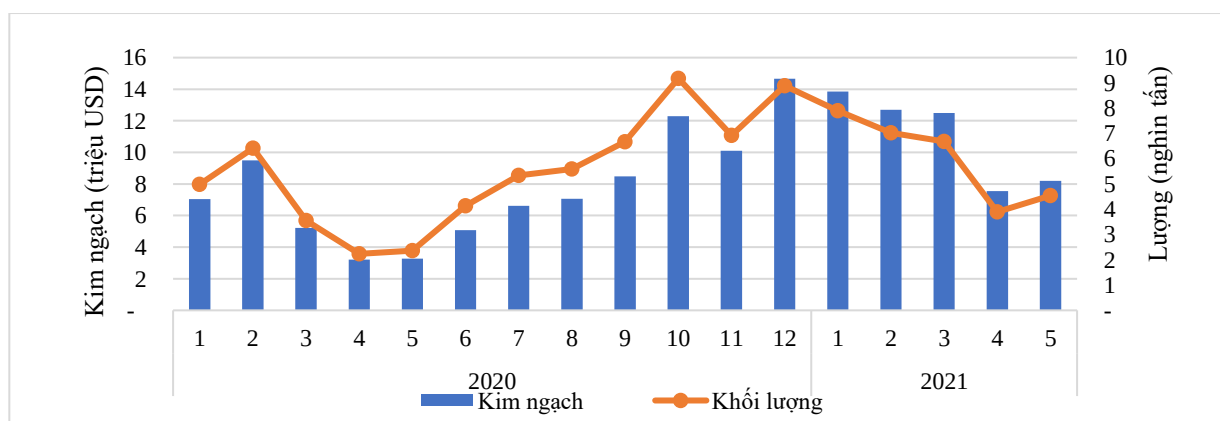
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú chiếm 5,6% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần vịnh Nha Trang, chiếm 4,6%; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 3,8%.

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 4,5 nghìn tấn với trị giá 8,2 triệu USD, tăng 16,8% về khối lượng và 8,6% về giá trị so với tháng trước, và tăng 92,0% về khối lượng và 150,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

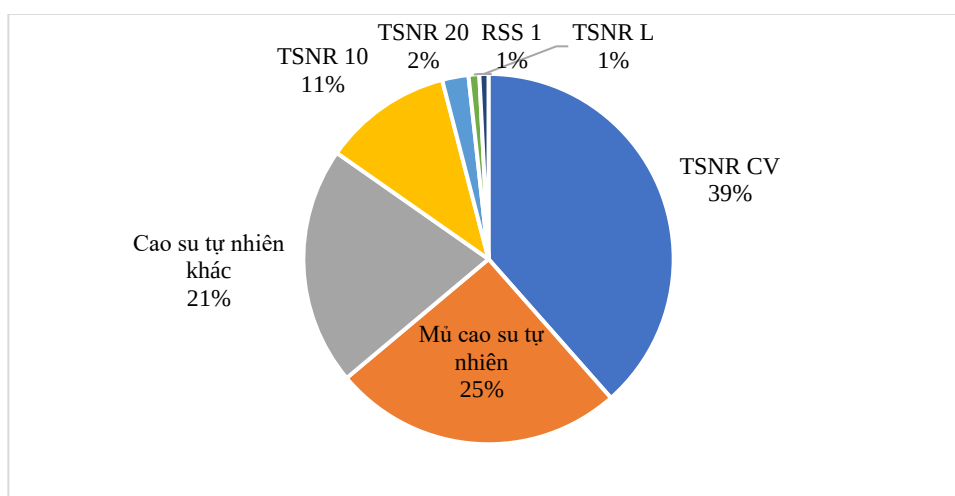
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 3,9 triệu USD, chiếm 38,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 2,6 triệu USD, chiếm 25,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 và TSNR 20, chiếm lần lượt 11,2% và 2,3% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

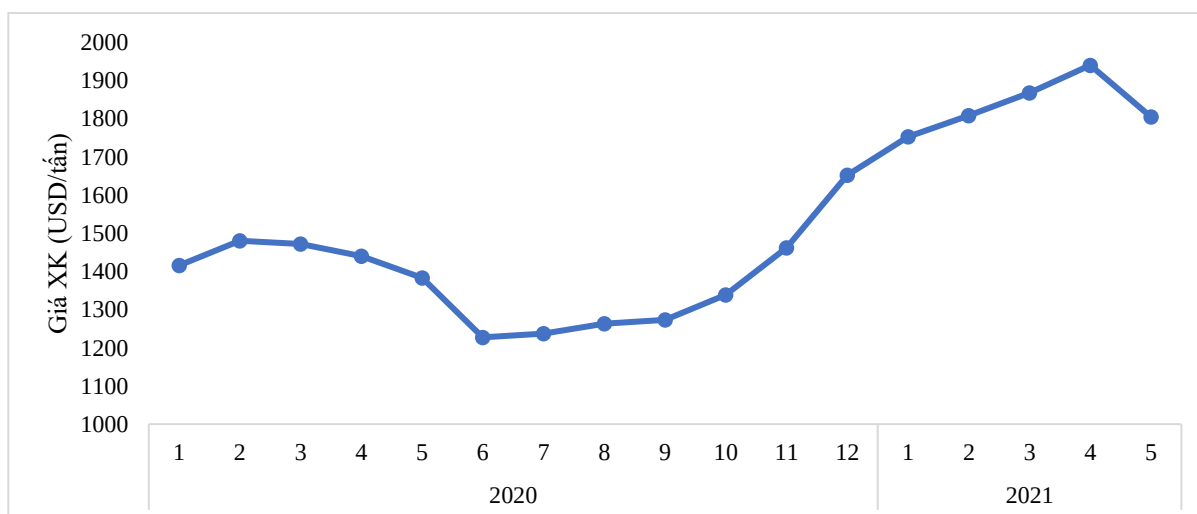
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU tiếp tục tăng vào thời điểm đầu năm đạt mức 1.805 USD/tấn trong tháng 05/2021 giảm 7,0% so với tháng trước và 30,5% so với cùng kỳ 2020.

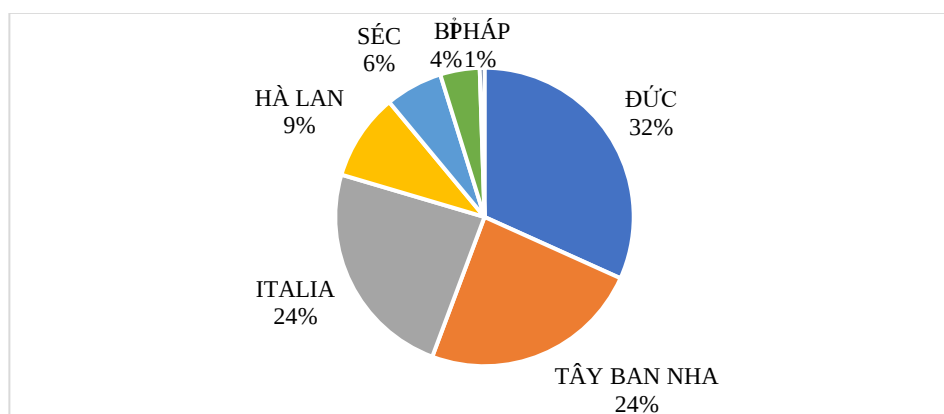
Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 2,6 triệu USD, chiếm 31,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Tây Ban Nha là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 2,0 triệu USD, chiếm 24,0%. Tiếp theo là Italia, Hà Lan và Séc chiếm lần lượt 23,9%, 9,4% và 6,2% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoa Sen Vàng. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 24,6%, 9,2% và 5,9% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 05/2021.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực, mở ra cơ hội lớn cho xuất khẩu các mặt hàng nói chung và sản phẩm gỗ của Việt Nam nói riêng. Không chỉ là đối tác lớn trong xuất khẩu gỗ của Việt Nam, ở chiều ngược lại, Châu Âu (EU) còn là nhà cung cấp nguyên liệu gỗ quan trọng cho Việt Nam.

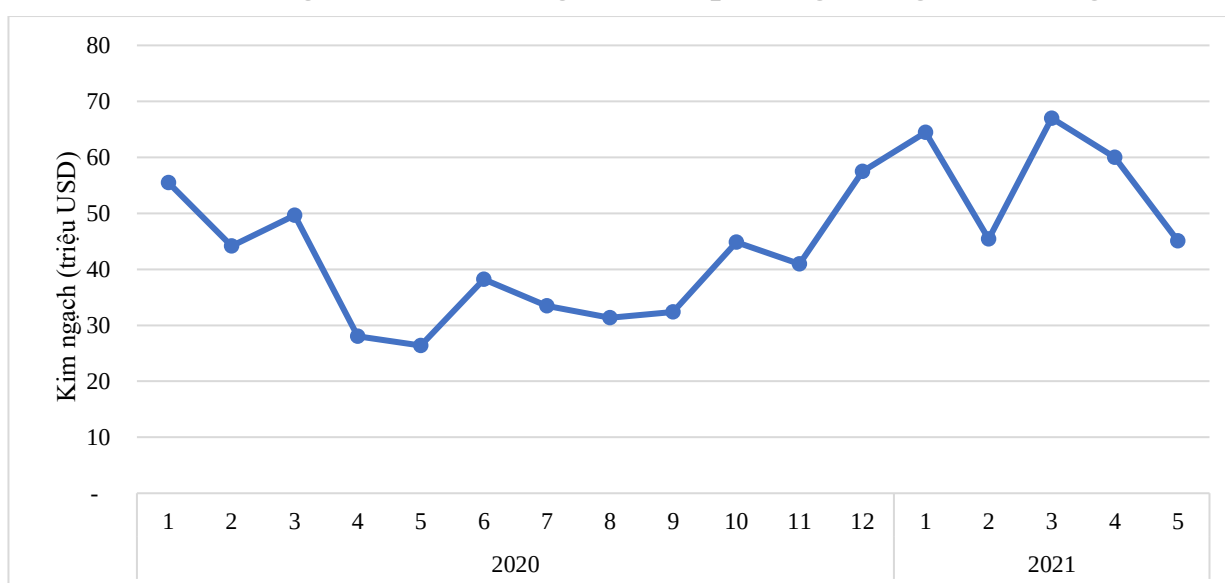
Về chủng loại gỗ nhập khẩu, nhập khẩu 2 mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ từ EU trong 4 tháng đầu năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, nhập khẩu gỗ tròn từ EU đạt 177,59 nghìn m³, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2020. Gỗ tần bì là loại gỗ chiếm tới 84% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu từ EU trong 4 tháng đầu năm 2021, đạt 148,85 nghìn m³, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu gỗ phong tròn từ EU cũng tăng mạnh đến 947,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu gỗ xẻ từ EU đạt trên 130 nghìn mét khối, tăng 76,2% so với cùng kỳ năm 2020. Gỗ thông vẫn là loài gỗ xẻ được nhập khẩu nhiều nhất từ EU về Việt Nam, đạt 49,26 nghìn mét khối, tăng 104,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường chủ chốt thuộc EU đều tăng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thị trường Bỉ tăng 20,5%; thị trường Pháp tăng 45%; thị trường Đức tăng 17,5%; Phần Lan tăng 62,9%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 45,1 triệu USD, giảm 24,9% so với tháng trước, nhưng tăng 70,8% so với cùng kỳ 2020.

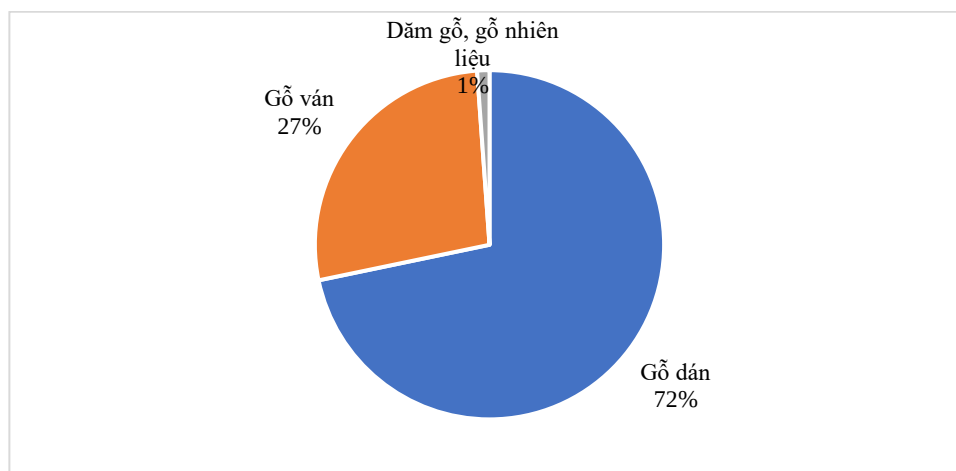
Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 05/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 662,6 nghìn USD, chiếm 71,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 250,6 nghìn USD, chiếm 27,1% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU trong tháng 05/2021. Tiếp theo là dăm gỗ, gỗ nhiên liệu với thị phần 1,1%.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 5/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức Phát, Công ty TNHH VinaWood và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 48,2%, 25,9% và 9,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU trong tháng 05/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Rau quả

Theo Đài phát thanh quốc tế Pháp (RFI), đầu tháng 6/2021, lần đầu tiên quả vải thiều Việt Nam được đưa vào thị trường Liên minh Châu Âu (EU) theo đường chính ngạch, bắt đầu là Czech và sau đó là Pháp, Bỉ, Hà Lan.

Việc miễn giảm thuế nhập khẩu theo cam kết trong Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA) là một điều kiện thuận lợi cho quả vải thiều nói riêng và mặt hàng rau quả Việt Nam nói chung chinh phục cộng đồng 27 quốc gia nổi tiếng khát khe về tiêu chí an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị năng lực, nguồn hàng, nâng cao sức cạnh tranh thông qua việc xây dựng kế hoạch dài hạn, bài bản và tuân thủ chặt chẽ các quy định về truy xuất nguồn gốc, đồng thời xây dựng và bảo vệ được thương hiệu để thúc đẩy xuất khẩu sang EU bền vững.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 6/2021, nhập khẩu của Liên minh châu Âu niên vụ 2021/2022 được dự báo là 42,5 triệu bao, tiêu thụ nội địa là 41,4 triệu bao trong khi tồn kho dự kiến sẽ giảm 2,1 triệu xuống 14,0 triệu bao. Hiện nay nhiều nước Châu Âu đã nới lỏng giãn cách xã hội, nhiều quán cà phê đã được mở cửa trở lại, hứa hẹn tiêu thụ cà phê tăng lên. Tuy nhiên, việc thiếu container vẫn trầm trọng, dự kiến vẫn tiếp diễn trong một vài tháng tới. Để hạn chế rủi ro vì giá cước vận tải tăng, các doanh nghiệp xuất khẩu nên xem xét chuyển sang hình thức xuất khẩu FOB (giá giao hàng tại cảng xuất), thay vì chọn hình thức chịu chi phí giao hàng tận nơi. Sự quan tâm thị trường Liên minh châu Âu (EU) đối với các loại cà phê chất lượng cao là cơ hội lớn cho các nhà xuất khẩu cà phê. Ngành cà phê Việt Nam nên hướng tới các thị trường ngách Đông Âu, đặc biệt là Ba Lan – nơi ngày càng gia tăng nhiều cửa hàng kinh doanh cà phê.

Với các chính sách ưu đãi của Hiệp định EVFTA, xuất khẩu của Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế về thuế nhưng cần phải nâng cao chất lượng để vượt qua các hàng rào kỹ thuật, trước mắt loại bỏ sử dụng thuốc diệt cỏ trong cây cà phê.

3. Thủy sản

Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU trong quý III/2021 sẽ tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020 bởi nhiều nước của EU đang mở cửa trở lại, hoạt động kinh tế đang hồi phục mạnh mẽ. Tuy nhiên các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam không có nhiều tăng trưởng đột biến do nhu cầu của thị trường này

chưa cao. Dự báo, trong quý II và những tháng tiếp theo nữa, xuất khẩu tôm sang EU được dự báo là chỉ phục hồi nhẹ, chủ yếu ở các thị trường Tây Ban Nha, Hà Lan, Italy.

4. Hồ tiêu

EU là thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm 18,55% tổng khối lượng xuất khẩu hồ tiêu của nước ta trong tháng 5/2021 và chiếm 17,91% về kim ngạch, chỉ đứng sau Hoa Kỳ. Tuy số liệu tháng 5 cho thấy những tín hiệu không tích cực cả về khối lượng và kim ngạch xuất khẩu tiêu vào thị trường này, song một nguyên nhân chính có thể thấy đó là giá tiêu xuất khẩu còn cao và có thể vẫn tăng tiếp trong thời gian tới. Tuy vậy, theo số liệu thống kê của Trademap, sự sụt giảm này không chỉ đối với hồ tiêu của Việt Nam mà là giảm chung về cầu đối với hồ tiêu của cả khu vực. Do vậy, với 8/27 thị trường mà hồ tiêu Việt Nam đã tiếp cận và chiếm lĩnh, cùng tình hình dịch bệnh Covid-19 đang dần được kiểm soát nhờ có vaccine và giá thu mua hồ tiêu trong nước đang dần được ổn định, khối lượng và kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam vào EU được hy vọng sẽ tăng trưởng trở lại trong những tháng tiếp theo.

5. Cao su

Nhu cầu găng tay cao su trên toàn cầu đã có mức tăng kỷ lục trong lịch sử, tăng hơn 20% trong năm nay lên 360 tỷ chiếc do đại dịch Covid-19. Hiệp hội các nhà sản xuất găng tay cao su Malaysia (MARGMA) dự đoán, tình trạng thiếu găng tay cao su trên toàn cầu sẽ còn kéo dài tới quý I/2022.

Các doanh nghiệp sản xuất găng tay y tế lớn trên thế giới cảnh báo tình trạng khan hiếm sản phẩm có thể xảy ra khi nhu cầu châu Âu tăng đột biến.

6. Gỗ và các SP từ gỗ

Kinh tế toàn khối EU đang có xu hướng tích cực sau một cuộc suy thoái kép trong bối cảnh các nền kinh tế khu vực đang mở cửa trở lại, chương trình tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19 được đẩy nhanh và quỹ kích thích chung của EU được khởi động để củng cố chính sách tiền tệ nới lỏng. Dự báo, tình hình kinh tế EU đang tiến triển tích cực và sự hỗ trợ từ Hiệp định EVFTA sẽ thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng nhanh hơn sang thị trường EU trong thời gian tới.

Xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn của Việt Nam dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu tới thị trường EU trong 4 tháng đầu năm, tuy nhiên so với nhu cầu nhập khẩu trung bình 24,2 tỷ USD/năm trong giai đoạn năm 2016 – 2020 thì kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn của Việt Nam tới EU vẫn còn thấp. Do đó, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này trong thời gian tới.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 5/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 5/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	79.844.907	-7,0%	2,0%	21,7%
2	Cao su	8.200.221	8,6%	150,6%	2,2%
3	Chè		-100,0%	-100,0%	0,0%
4	Gạo	3.749.900	-0,6%	-34,0%	1,0%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	45.059.851	-24,9%	70,8%	12,2%
6	Hàng rau quả	17.232.205	-1,6%	40,2%	4,7%
7	Hàng thủy sản	103.821.575	6,6%	42,4%	28,2%
8	Hạt điều	62.327.403	10,0%	7,6%	16,9%
9	Hạt tiêu	13.140.978	-18,6%	53,0%	3,6%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	18.171.831	-5,8%	112,2%	4,9%
11	Sản phẩm từ cao su	16.607.997	2,3%	65,3%	4,5%
Tổng 11 mặt hàng chính		368.156.868	3,3%	33,9%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 5/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 5/2020		Tháng 5/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	7.806	4.400.982	3.236	2.251.747	-58,5%	-48,8%
2	Gạo trắng	1.533	722.666	889	677.733	-42,0%	-6,2%
3	Các loại gạo khác	1.029	556.868	1.065	820.419	3,6%	47,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 5/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 5/2020	Tháng 5/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T5.2021/T5.2020
	Tổng giá trị XK	12.293.898	17.232.205	40,2%
1	Chanh	3.589.421	4.957.670	38,1%
2	Xoài	944.725	2.659.021	181,5%
3	Dừa	1.046.806	1.587.540	51,7%
4	Thanh long	810.721	1.237.865	52,7%
5	Dứa	591.120	643.806	8,9%
6	Gừng	148.404	636.262	328,7%
7	Khác	5.162.702	5.510.042	6,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 5/2021

Loại sản phẩm	Tháng 5/2020	Tháng 5/2021	So sánh
	(tr. USD)	(tr. USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	11.746.917,41	11.233.913,42	4,6%
Cá ngừ	14.018.559,16	7.742.109,20	81,1%
Cá rô phi	849.768,53	469.174,12	81,1%
Cua, ghẹ	646.511,50	802.293,70	-19,4%
Mực và bạch tuộc	5.951.588,30	2.505.268,80	137,6%
Tôm	55.997.222,02	39.324.629,09	42,4%
Thủy sản khác	14.611.008,26	10.826.672,43	35,0%
Tổng	103.821.575,17	72.904.060,76	42,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 5/2020

Mặt hàng	5/2020	5/2021	So sánh T5/2020 và T5/2021
Chưa rang chưa khử cafein	71.301.130	72.570.595	1,78%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	4.758.884	4.855.916	2,04%
Chưa rang đã khử cafein	1.859.594	2.237.664	20,33%
Đã rang đã khử cafein	267.989	109.766	-59,04%
Đã rang chưa khử cafein	44.316	37.676	-14,98%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	32.318	33.290	3,01%
Tổng	78.265.533	79.844.907	2,02%

Nguồn: Tổng cục Hải quan